



TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THỦ ĐỨC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

- BKS	: Ban Kiểm soát
- BGĐ	: Ban Giám đốc
- BDH	: Ban Điều hành
- BHXH	: Bảo hiểm xã hội
- CBNV	: Cán bộ nhân viên
- Công ty	: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức (TIMEXCO)
- CP	: Cổ phiếu
- CHXD	: Cửa hàng xăng dầu
- ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT	: Hội đồng quản trị
- KH	: Kế hoạch
- LNST	: Lợi nhuận sau thuế
- LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
- NLĐ	: Người lao động
- NSDLĐ	: Người sử dụng lao động
- PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
- TH	: Thực hiện
- Tổng công ty	: Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)
- VDL	: Vốn điều lệ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC
NĂM 2019

Phần 1
THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức
- Tên giao dịch quốc tế: Thu Duc Trading and Import Export Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TIMEXCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301444626
- Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-8) 028 38966819
- Số fax: (84-8) 028 38963210
- Website: www.timexcothuduc.com.vn
- Mã cổ phiếu: TMC

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được hình thành từ việc sáp nhập 02 doanh nghiệp nhà nước là Công ty Vật tư Tổng hợp huyện Thủ Đức và Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Thủ Đức với tên gọi Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức, đến năm 2000 được cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức cho đến nay. Kể từ khi cổ phần hóa, Công ty không ngừng mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển thêm nhiều ngành hàng mới. Hiện nay, Công ty đã có hệ thống 20 Cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động tại quận Thủ Đức, Quận 9, Quận 2, huyện Nhà Bè thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh như Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận và tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 05/12/2014 Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thủ Đức chính thức trở thành Công ty con của Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), hiện đang nắm giữ 51,01% VDL của Công ty.

2. Các mốc sự kiện quan trọng

Ngày 27/03/2000: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức được thành lập theo Quyết định số 09/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ. Vốn điều lệ ban đầu là 14 tỷ đồng, trong đó phần vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 40%.

- Năm 2002: Tăng VDL lên 18 tỷ đồng.
- Năm 2004: Bán đấu giá thành công 40% phần vốn Nhà nước.
- Năm 2006: Tăng VDL lên 27 tỷ đồng.

▪ Tháng 12/2006: Cổ phiếu của TIMEXCO được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

▪ Năm 2007: Tăng VDL lên 40 tỷ đồng.

▪ Tháng 5/2009: Chuyển niêm yết sang giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

▪ Năm 2010: Tăng VDL lên 80 tỷ đồng.

▪ Năm 2012: Tăng VDL lên 124 tỷ đồng.

3. Thành tích Công ty đã đạt được trong những năm qua

- ❖ Năm 2008: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước và được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Năm 2009: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Năm 2010: Công ty đạt Cúp Thương hiệu Chứng khoán uy tín và được Cờ Thi đua của Chính phủ.
- ❖ Năm 2011: Công ty được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Năm 2012: Công ty được tặng Bằng khen và Cờ Thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ 9 năm liền (2007 – 2015) Công ty liên tục được đánh giá xếp hạng trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- ❖ Đạt giải “Sao vàng đất Việt” các năm 2010, 2011, 2012 và 2013.
- ❖ Năm 2014: Công ty đạt Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng; được Bằng khen của Bộ Công Thương đã đạt thành tích hoàn thành xuất sắc công tác kinh doanh năm 2014.
- ❖ Năm 2015: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; được Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công tác vận động quỹ Vì người nghèo giai đoạn 2001- 2015.
- ❖ Năm 2016: Công ty được tặng Cờ Thi đua của Bộ Công Thương.
- ❖ Công ty đã liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” qua các năm từ năm 2001 đến năm 2019.

II. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh

- Thương nhân phân phối xăng dầu, nhớt, mỡ, ...
- Kinh doanh hàng kim khí điện máy, xe đạp, dụng cụ gia đình
- Kinh doanh, sửa chữa xe máy
- Kinh doanh sắt thép xây dựng

- Dịch vụ nhà hàng tiệc cưới, hội nghị
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi
- Kinh doanh khác

2. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Bình Dương, Đồng Nai, ngoài ra còn có điểm kinh doanh tại Bình Thuận, Tiền Giang.

III. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị

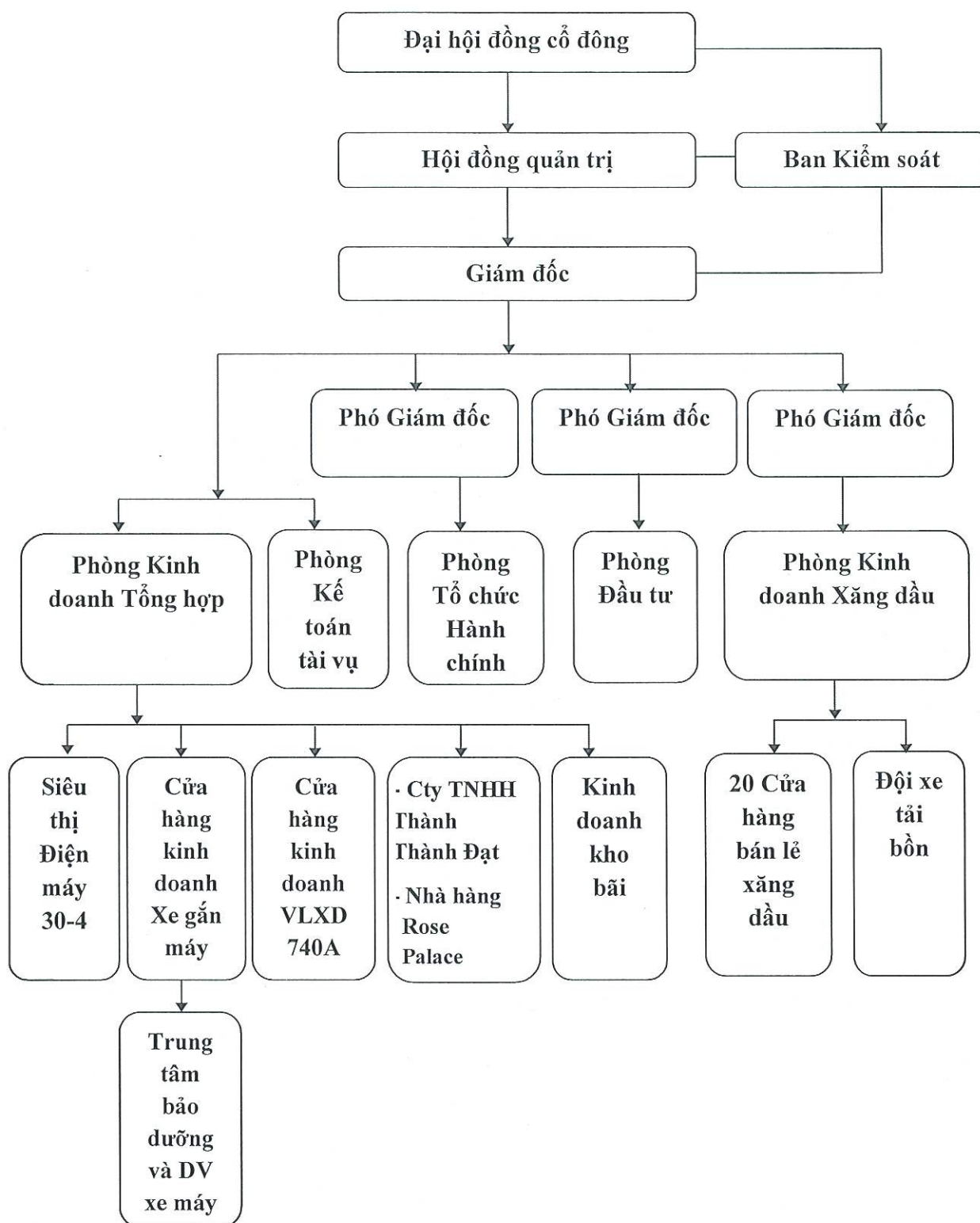
- Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Thành viên HĐQT, BKS.

- Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Lương thưởng.

- Đứng đầu BDH là Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Công ty. Giám đốc quản lý và điều hành Công ty thông qua việc phân cấp, phân quyền cho các Phó Giám đốc và các Trưởng bộ phận để giải quyết công việc cụ thể.



2. Cơ cấu bộ máy quản lý



IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Công ty tập trung mọi nguồn lực để phát triển ngành kinh doanh chính là xăng dầu, đẩy mạnh kinh doanh những ngành hàng khác như sắt thép, xe máy, nhà hàng tiệc cưới theo nguyên tắc đảm bảo hiệu quả và bảo toàn vốn nhằm gia tăng lợi nhuận cho Công ty, tăng thu nhập cho NLĐ, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và nhà đầu tư; chung tay bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đầu tư phát triển mạng lưới bán hàng, nâng cao thị phần kinh doanh xăng dầu.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh, chú trọng chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tăng cường tiếp thị, quảng bá thương hiệu.
- Bảo toàn và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn và tài sản; tăng cường công tác quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, quản lý bán hàng, tiết giảm chi phí hao hụt xăng dầu, hạn chế rủi ro trong kinh doanh, luôn tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh.
- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBNV, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng bán hàng, kỹ thuật Marketing cho nhân viên bán hàng; cải tiến chế độ tiền lương, thưởng hợp lý; động viên, khen thưởng kịp thời cho các cá nhân và tập thể NLĐ có thành tích tốt trong hoạt động kinh doanh.
- Áp dụng chính sách giá cả linh hoạt, hợp lý, nắm bắt thời cơ kinh doanh, nhằm lôi kéo khách hàng và kích thích khách hàng mua thêm hàng hóa của Công ty, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, đảm bảo tạo ra sự thỏa mãn, hài lòng cho khách hàng.

V. CÁC RỦI RO

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, giá dầu thô thường xuyên biến động, tác động đến tình hình kinh tế, tài chính trong nước, ảnh hưởng đến sức cầu của thị trường.
 - Những thay đổi về chính sách của Nhà nước về tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối xăng dầu,... làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty.
 - Thị trường kinh doanh các ngành hàng xăng dầu, sắt thép, điện máy, xe máy, nhà hàng ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn.
 - Rủi ro về cháy nổ luôn luôn tiềm ẩn tại các CHXD; rủi ro do khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.
 - Rủi ro về biến động, điều chỉnh giá xăng dầu do ảnh hưởng giá xăng dầu thế giới.
- Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro trên, Ban lãnh đạo Công ty đã thường xuyên phân tích, đánh giá, dự báo, cập nhật thông tin thị trường và tình hình giá cả xăng dầu

thể giới; theo dõi, cập nhật các chính sách của Nhà nước để đưa ra những giải pháp kinh doanh phù hợp nhất; chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống chữa cháy bán tự động, hệ thống cảnh báo cháy tại các CHXD, định kỳ tổ chức kiểm tra, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho NLĐ, luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ công nợ khách hàng, yêu cầu khách hàng ký quỹ mua hàng theo hợp đồng hoặc áp dụng hình thức bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng để đảm bảo an toàn về tài chính của Công ty.

Phần 2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2018	NĂM 2019			
			KH	TH	%/KH	%/TH 2018
1. Doanh thu	Tỷ đồng	2.631	2.302	2.420	105,1	91,9
- Kinh doanh xăng dầu	“	2.300	2.019	2.158	106,9	93,8
- Kinh doanh, dịch vụ khác	“	331	283	262	92,6	79,15
2. Lợi nhuận trước thuế	“	36,4	23	23	100,0	63,2
3. Các khoản nộp NSNN	“	28,6		21,3		74,5
4. Cổ tức	%	11	10	10	100,0	90,9

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban điều hành

♦ Ông Hoàng Đình Sơn:

Giám đốc

- Năm sinh: 18/6/1976

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện PVOIL sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu

♦ Bà Nghiêm Thị Thanh Mai:

Phó Giám đốc

- Năm sinh: 10/6/1982

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (tỷ lệ 0%)

♦ Ông Phạm Ngọc Minh:

Phó Giám đốc

- Năm sinh: 07/01/1960

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế

- Số cổ phiếu nắm giữ: 20.100 cổ phiếu (tỷ lệ 0,16%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 20.100 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

♦ Ông Nguyễn Thanh Bình: Phó Giám đốc

- Năm sinh: 20/5/1962

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

- Số cổ phiếu nắm giữ: 187.400 cổ phiếu (tỷ lệ 1,51%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 187.400 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

♦ Ông Viên Thiên Khanh: Kế toán trưởng

- Năm sinh: 01/01/1974

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán

- Số cổ phiếu nắm giữ: 16.350 cổ phiếu (tỷ lệ 0,13%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 16.350 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

2. Những thay đổi trong HĐQT:

- Hội đồng quản trị Công ty đã bổ nhiệm ông Huỳnh Ngọc Thành- Người đại diện vốn của Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro) làm Ủy viên Hội đồng quản trị thay thế ông Đỗ Trung Thành kể từ ngày 04/12/2019. Việc bổ nhiệm này sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

- Ông Đỗ Trung Thành thôi tham gia Hội đồng quản trị và không còn là Người đại diện vốn của Saigon Petro kể từ ngày 04/12/2019.

3. Chính sách đối với người lao động

3.1. Cơ cấu lao động (tính đến 31/12/2019)

♦ Tổng số lao động trong Công ty: 353 người, trong đó:

- Người điều hành doanh nghiệp: 06 người

- Người điều hành khác: 16 người

- Công nhân viên chuyên môn nghiệp vụ, phục vụ, bảo vệ: 69 người

- Công nhân viên trực tiếp kinh doanh: 252 người.

- Số cán bộ nhân viên có trình độ Đại học và Cao đẳng là: 104 người.

♦ Tổ chức Đảng, đoàn thể:

- Đảng bộ: có 56 đảng viên

- Công đoàn cơ sở: có 344 đoàn viên công đoàn

- Đoàn cơ sở: có 72 đoàn viên thanh niên

3.2. Chính sách đối với người lao động

- Trong năm, Công ty đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho 392 lượt NLĐ; trang bị quần áo bảo hộ lao động cho NLĐ bằng tiền hoặc hiện vật với giá trị không thấp hơn 5.000.000đ/người/năm, CBNV thường xuyên đi công tác bên ngoài được cấp thêm áo mưa. Đối với NLĐ trực tiếp kinh doanh tại CHXD và vận chuyển xăng dầu (tài xế, phụ xế xe tải bồn) được bồi dưỡng sữa hàng tháng.

- Thực hiện Quy chế dân chủ tại cơ sở theo Nghị định số 60/2013-NĐ-CP, định kỳ hàng quý Công ty tổ chức Hội nghị đối thoại tại nơi làm việc giữa NSDLĐ và NLĐ; tổ chức Hội nghị NLĐ mỗi năm một lần, từ đó NSDLĐ nắm bắt được những tâm tư, nguyện vọng của NLĐ để kịp thời chia sẻ, giải quyết thỏa đáng những ý kiến, nguyện vọng của NLĐ nhằm đảm bảo quyền lợi cho NLĐ và luôn duy trì tốt mối quan hệ giữa NSDLĐ và NLĐ. Trong năm 2019, đã có 10 ý kiến của NLĐ được NSDLĐ đáp ứng và giải quyết thỏa đáng.

- Công ty đã tổ chức cho NLĐ đi tham quan, nghỉ mát làm nhiều đợt tại Quy Nhơn, Ninh Chữ, Nha Trang, Đà Lạt, với tổng số tiền: 540.454.000 đồng; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 332 CBNV với tổng chi phí: 460.217.000 đồng.

- Công ty thực hiện đúng chế độ, chính sách cho NLĐ theo quy định của pháp luật và chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ theo Thỏa ước lao động tập thể, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời giải quyết đầy đủ các chế độ về thai sản, ốm đau, trợ cấp thôi việc, nghỉ việc,... cho NLĐ; mua bảo hiểm tai nạn cho NLĐ 24/24 giờ.

- Công ty đã tổ chức các hoạt động chăm lo, thăm hỏi, tặng quà cho NLĐ nghỉ hưu dịp Tết Nguyên đán; tặng quà cho con CBNV Công ty vào các dịp Quốc tế Thiếu nhi 1/6; tổ chức vui Tết Trung thu cho con NLĐ và tổ chức khen thưởng cho các cháu là con NLĐ có kết quả học tập khá giỏi năm học 2018- 2019 với tổng số tiền là 50.300.000 đồng; tặng quà cho nữ CBNV vào dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà cho NLĐ khi kết hôn, sinh nhật đúng theo Thỏa ước lao động tập thể; tổ chức tham quan, họp mặt các đồng chí bộ đội, thanh niên xung phong, công an xuất ngũ, đang làm việc trong Công ty nhân ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Trong năm, đoàn viên Công đoàn ốm đau, tang gia đã được chi hỗ trợ từ Quỹ “PVOIL chung một tấm lòng” và Quỹ “Tương trợ dầu khí” với tổng số tiền là 191.600.000 đồng.

- Để tạo điều kiện cho NLĐ có phương tiện đi lại, Công ty đã xem xét, giải quyết bán xe gắn máy trả góp cho 28 CBNV đang làm việc tại Công ty được mua xe mới.

- Công ty luôn quan tâm và cải tiến chế độ tiền lương, thưởng cho NLĐ, khen thưởng động viên kịp thời cho các cá nhân và tập thể đã có thành tích trong hoạt động kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong các dịp Lễ Tết, Công ty đều có những khoản chi thưởng cho NLĐ và thưởng cho các danh hiệu thi đua vào cuối năm.

- Môi trường làm việc luôn được cải thiện, trong năm qua Công ty tiếp tục cải tạo sửa chữa các điểm kinh doanh, mua máy móc thiết bị văn phòng, lắp đặt camera tại các CHXD, nâng cấp máy tính,...

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2019, Công ty đã thực hiện một số dự án đầu tư, sửa chữa như sau:

- Cung cấp, lắp đặt hệ thống chữa cháy Foam tại CHXD số 12; san lấp nền và cải tạo hàng rào tại mặt bằng CHXD số 12.
- Chuyển nhượng xe ô tô xi téc 6m³ của PVOIL.
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy trung tâm tại CHXD số 16; hoàn tất việc xây dựng CHXD số 16 tại 189 Xa lộ Hà nội, phường Phước Long A, Quận 9.
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý dữ liệu trụ bơm xăng dầu qua mạng cho các CHXD; cung cấp, lắp đặt hàng rào di động cho các CHXD trực thuộc Công ty.
- Sửa chữa, thay thế các hạng mục hư hỏng tại CHXD số 18.
- Cải tạo, sửa chữa các CHXD theo đề án 1114.
- Cung cấp, thi công lắp đặt Alu mái lam khu vực văn phòng CHXD số 1, CHXD số 3, CHXD Bình Thọ.
- Cải tạo, sửa chữa mặt bằng cho thuê rửa xe tại CHXD Tăng Nhơn Phú, CHXD Bình Thọ.
- Thi công sửa chữa thay tole mái nhà hàng Rose Palace.
- Sửa chữa máy lạnh tại nhà hàng tiệc cưới TMC Palace, Siêu thị điện máy 30/4, ...

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	294.248.975.918	351.615.420.720	+19%
Doanh thu thuần	2.631.524.806.271	2.419.792.870.295	-8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.346.357.665	21.712.614.064	-40%
Lợi nhuận khác	100.551.798	1.355.049.198	+1.247%
Lợi nhuận trước thuế	36.446.909.463	23.067.663.262	-36%
Lợi nhuận sau thuế	29.244.665.145	18.370.777.190	-37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	11%	10%	-9%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	<i>lần</i>	1,31	1,21	
+ Hệ số thanh toán nhanh:				

Tài sản lưu động – Hàng tồn kho	<i>lần</i>	0,86	0,49	
Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	<i>lần</i>	28,75	42,68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	<i>lần</i>	40,36	74,46	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
<u>Giá vốn hàng bán</u>	<i>lần</i>	31,81	32,31	
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	8,94	6,88	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,11	0,76	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	14,40	8,6	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,93	5,24	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,39	0,95	

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 21/02/2019		THỜI ĐIỂM 09/12/2019	
		SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/VĐL (%)	SL CỔ PHIẾU	TỶ LỆ/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước	12.294.004	99,15	12.293.501	99,14
<i>1</i>	<i>Tổ chức</i>	<i>9.450.711</i>	<i>76,22</i>	<i>10.069.633</i>	<i>81,21</i>
1.1	PV OIL	6.325.730	51,01	6.325.730	51,01
1.2	SAIGON PETRO	1.847.160	14,90	1.847.160	14,90
1.3	CTY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP	1.012.100	8,16	1.012.100	8,16
1.4	COMECO	264.752	2,14	264.752	2,14
1.5	Tổ chức khác	969	0,008	619.891	5,00
2	Cá nhân	2.843.293	22,93	2.223.868	17,93
II	Cổ đông nước ngoài	105.996	0,85	106.499	0,86
1	Tổ chức	7.800	0,06	7.800	0,06
2	Cá nhân	98.196	0,79	98.699	0,80
	Tổng cộng	12.400.000	100	12.400.000	100

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 12.400.000 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Thủ Đức không tăng vốn cổ phần trong năm 2019.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

1. Bảo vệ môi trường

- Vận động, tuyên truyền NLĐ nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, có ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn năng lượng như điện, nước; giảm thiểu rác thải tại nơi làm việc; giảm thiểu các hoạt động gây phát sinh chất thải và ô nhiễm môi trường, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe con người.

- Thực hiện trồng cây xanh tại các CHXD, các điểm kinh doanh và bên ngoài tòa nhà văn phòng Công ty để giảm lượng khí phát thải ra môi trường.

2. Kiểm soát môi trường làm việc

- Hàng năm, Công ty đều tổ chức các lớp tập huấn về an toàn vệ sinh lao động cho CBNV và NLĐ; trang bị bảo hộ lao động cho NLĐ bao gồm quần áo, giày, bao tay, nón vải, áo mưa,... Trong năm 2019, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

- Định kỳ mỗi quý, Công ty tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo an toàn PCCC tại các cửa hàng kinh doanh; thường xuyên quan tâm và cải tiến môi trường làm việc xanh, sạch đẹp, an toàn, thoáng mát cho NLĐ; xây dựng ý thức và thói quen làm việc chuyên nghiệp cho CBNV.

3. Chăm lo cho NLĐ

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho NLĐ nhằm hỗ trợ NLĐ theo dõi và điều trị bệnh kịp thời để đảm bảo sức khỏe tốt cho NLĐ.

- Tổ chức các hoạt động chăm lo, thăm hỏi, tặng quà cho NLĐ nghỉ hưu và NLĐ có hoàn cảnh khó khăn dịp Tết Nguyên đán; tặng quà cho nữ CBNV vào dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà cho NLĐ khi kết hôn, sinh nhật đúng theo Thỏa ước lao động tập thể.

4. Đối với cộng đồng và xã hội

- Công ty đã thực hiện đầu tư, lắp đặt các đường ống công nghệ tại các CHXD theo đúng tiêu chuẩn an toàn và thường xuyên kiểm tra, bảo trì, thực hiện xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của cơ quan chức năng.

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do địa phương phát động; Ủng hộ quỹ vì người nghèo nơi Công ty có cơ sở hoạt động kinh doanh; thăm hỏi NLĐ có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho NLĐ là thương binh và con liệt sĩ; thăm tặng quà cho gia đình chính sách được Công ty đỡ đầu.

Phần 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Phân tích tổng quan về hoạt động kinh doanh của Công ty

Năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Giá dầu thô thế giới liên tục diễn biến phức tạp, khó lường, nguồn cung xăng dầu không ổn định; tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi chiến tranh thương mại của những nền kinh tế lớn trên thế giới, giá xăng dầu luôn thay đổi theo chính sách điều hành giá của Nhà nước và sự điều hành của Nhà nước đã ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm, Công ty đã đẩy mạnh thực hiện nghiêm chỉnh Đề án 1114 về “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD”; triển khai và thực hiện các hình thức bán hàng ứng dụng công nghệ thông tin như chương trình PVOil Easy, GotIt, Viettelpay, VCBpay, ví điện tử Momo,... nhằm tăng sản lượng tiêu thụ xăng dầu tại địa bàn kinh doanh.

Các ngành kinh doanh phụ khác như: điện máy, xe máy, sắt thép, nhà hàng tiệc cưới,... chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân, cửa hàng, siêu thị mới xây dựng nên doanh thu, lợi nhuận cũng bị suy giảm.

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trước tình hình kinh doanh khó khăn, Ban Giám đốc Công ty đã có nhiều biện pháp tích cực để khắc phục khó khăn, cải tiến trong mọi hoạt động, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và NLĐ theo pháp luật hiện hành; CBNV Công ty đã nỗ lực thi đua thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019.

- Tình hình công tác an ninh trật tự và an toàn phòng chống cháy nổ luôn được đảm bảo, đời sống và thu nhập của NLĐ luôn được ổn định.

- Việc duy trì nghiêm chỉnh thực hiện Đề án 1114 của Tổng công ty Dầu Việt Nam về nâng cao chất lượng phục vụ tại các CHXD đã góp phần tăng doanh số cho Công ty.

- Năm 2019, Công ty được Đảng bộ Tổng công ty Dầu Việt Nam công nhận là “Đảng bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu năm 2019; được Công đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam công nhận là “Công đoàn toàn diện”.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	36,03	48,51
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	63,97	51,49
Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28,75	42,68
Nợ ngắn hạn/Nợ phải trả	%	92,83	92,36
Nợ dài hạn/Nợ phải trả	%	7,17	7,64
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	71,25	57,32
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,35	1,23
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,86	0,49

2. Tình hình nợ phải trả

- Tổng các khoản phải trả người bán, vay và nợ ngắn hạn, phải nộp ngân sách nhà nước là 117.449.372.080 đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2020 dự báo sẽ trải qua nhiều thách thức, diễn biến phức tạp do ảnh hưởng của nền kinh tế toàn cầu và dịch bệnh bùng phát ở Trung quốc và lan sang các nước lân cận. Một số chính sách của Nhà nước về quản lý xăng dầu trong lĩnh vực kinh doanh ngày càng chặt chẽ, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu chịu nhiều áp lực tăng chi phí như an toàn PCCC, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn, chất lượng, hàng hóa hao hụt,... Khung giá đất giai đoạn 2020 – 2024 sẽ tăng, tiền thuê đất tăng cùng với các thủ tục đầu tư làm trở ngại chuyển nhượng đất sản xuất kinh doanh. Dự kiến năm 2020 thị trường dầu thô thế giới sẽ tiếp tục biến động khó lường, Công ty không có nhiều cơ hội để tích lũy; chiết khấu, hoa hồng bán xăng dầu không cao ...

Căn cứ vào tình hình thực hiện năm 2019, trên tinh thần cẩn trọng và hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam về chiết khấu hoa hồng, giá bán xăng dầu các loại, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau:

1. Các chỉ tiêu chính

- Doanh thu : 2.396 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 22 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 17,6 tỷ đồng

2. Các giải pháp để thực hiện kế hoạch năm 2020

- Đẩy mạnh thực hiện Đề án 1114 về “Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại CHXD”; đẩy mạnh áp dụng thanh toán mua xăng dầu qua ví điện tử MoMo, Viettel cho khách hàng cá nhân và quảng bá hình thức mua xăng dầu PVOIL Easy cho khách hàng doanh nghiệp.

- Tiếp tục xem xét thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư ra bên ngoài có hiệu quả thấp; thanh lý, nhượng bán những tài sản hiệu quả khai thác thấp, chuyển một số cơ sở kinh doanh hoạt động kém sang cho thuê.

- Tăng cường kiểm soát, tiết giảm chi phí kinh doanh thông qua các hình thức khoán chi phí cho các bộ phận, đơn vị kinh doanh, thực hiện trả lương khoán theo sản lượng cho các CHXD nhằm tạo động lực, thúc đẩy CHXD gia tăng sản lượng bán hàng.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các bộ phận kinh doanh, duy trì mức tồn kho hợp lý, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn; Kiểm soát chặt chẽ công nợ, không để phát sinh nợ xấu, đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện các biện pháp quản trị để hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho NLĐ, giúp NLĐ sớm nắm bắt được các thay đổi về chính sách chế độ, quy định của Nhà nước, cũng như những thay đổi về công nghệ để từ đó thực hiện tốt các công việc được giao; Chăm lo tốt cho đời sống NLĐ, kết hợp với chính sách lương, thưởng hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động và nâng cao đời sống NLĐ.

- Tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn- phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản trong hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, tinh gọn lại bộ máy tổ chức, thu hẹp, giải thể những điểm kinh doanh kém hiệu quả.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.

1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Tại các CHXD trực thuộc Công ty đều được lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu; tổ chức đo kiểm chất thải, nước thải, đo kiểm các chỉ tiêu về vi khí hậu, môi trường làm việc tại các CHXD. Việc đo, kiểm được cơ quan có thẩm quyền thực hiện định kỳ mỗi năm 02 lần và kết quả các chỉ số đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

- Công ty đã trang bị các thùng rác có nhãn nhận biết loại rác sinh hoạt hay rác thải rắn nguy hại tại các điểm kinh doanh trực thuộc văn phòng Công ty và được các đơn vị chức năng đến thu gom theo định kỳ.

2. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do địa phương phát động; Ủng hộ quỹ vì người nghèo nơi Công ty có cơ sở hoạt động kinh doanh; thăm hỏi NLĐ có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho NLĐ là thương binh và con liệt sĩ; thăm tặng quà cho gia đình chính sách được Công ty đỡ đầu.

3. Phát triển nguồn nhân lực

- Công tác đào tạo, bổ nhiệm, quy hoạch đúng quy định; thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, các lớp tập huấn nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho CBNV, nâng cao ý thức bảo vệ an toàn về người và tài sản, các kỹ năng ứng phó với tình huống khẩn cấp về an toàn lao động- môi trường- PCCC.

- Thường xuyên cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho NLĐ có mối quan hệ đoàn kết, gắn bó, thân thiện, bình đẳng, hợp tác vì sự phát triển chung của Công ty.

Phần 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Năm 2019, với sự đoàn kết, nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và tập thể Cán bộ nhân viên Công ty, TIMEXCO đã vượt qua những khó khăn để hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, cụ thể:

- Doanh thu: 2.420 tỷ đồng, đạt 105% so với kế hoạch năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế: 23 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch năm 2019.

- Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh và thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

- Ban lãnh đạo Công ty cũng thường xuyên quan tâm đến các chế độ và chính sách về tiền lương, thưởng cho NLĐ nhằm tạo động lực gia tăng năng suất lao động, tăng sản lượng bán hàng, đảm bảo thu nhập ổn định cho NLĐ.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019 trong điều kiện kinh doanh hết sức khó khăn. Ban

Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt vai trò và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty thể hiện qua các giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT và việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT một cách kịp thời, đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

- Ban Giám đốc đã có nhiều giải pháp quyết liệt, năng động trong kinh doanh cũng như trong quản lý điều hành Công ty, tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019 và tiếp tục phát triển ổn định.

III. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế hoạt động của Công ty để chỉ đạo và hỗ trợ cho BĐH Công ty phát triển kinh doanh theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tập trung mọi nguồn lực đầu tư phát triển ngành kinh doanh chính là xăng dầu; đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh tạo nền tảng cho Công ty ngày càng phát triển bền vững.

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn bộ máy quản lý và đội ngũ nhân sự của Công ty, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty, tăng thu nhập cho NLĐ, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và đối tác; tiếp tục tham gia các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và cộng đồng.

Phần 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên:

• Ông **VÕ KHÁNH HƯNG** : Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 28/9/1965

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam -CTCP (PVOIL)

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện PVOIL, sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu

• Ông **HOÀNG ĐÌNH SƠN** : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

- Năm sinh: 18/6/1976

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.860.000 cổ phiếu (tỷ lệ 15%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện PVOIL, sở hữu: 1.860.000 cổ phiếu

• **Ông ĐỖ TRUNG THÀNH** : Ủy viên HĐQT (đến 03/12/2019)

- Năm sinh: 10/9/1962

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế công nghiệp

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.847.160 cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP.Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO), sở hữu: 1.847.160 cổ phiếu (tỷ lệ 14,9%)

• **Ông HUỖNH NGỌC THÀNH** : Ủy viên HĐQT (Thay thế ông Đỗ Trung Thành từ ngày 04/12/2019) (Thành viên không điều hành)

- Năm sinh: 31/7/1968

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM (thay thế ông Đỗ Trung Thành)

- Số cổ phiếu nắm giữ: 1.847.160 cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP.Hồ Chí Minh (SAIGON PETRO), sở hữu: 1.847.160 cổ phiếu (tỷ lệ 14,9%)

• **Ông NGUYỄN QUỐC CƯỜNG**: Ủy viên HĐQT (Thành viên không điều hành)

- Năm sinh: 06/10/1980

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

• **Ông NGUYỄN THANH BÌNH**: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Năm sinh: 25/5/1962

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

- Số cổ phiếu nắm giữ: 187.400 cổ phiếu (tỷ lệ 1,51%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 187.400 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

2. Các Tiểu ban thuộc HĐQT

2.1. Tiểu ban Chính sách phát triển: gồm có 05 thành viên

- Trưởng ban: Ông HOÀNG ĐÌNH SƠN – Ủy viên HĐQT
- Các thành viên:
 - Ông Đào Quang Minh – Trưởng phòng Kinh doanh
 - Ông Viên Thiên Khanh – Kế toán trưởng
 - Ông Ngô Minh Thắng – Phó phòng Kinh doanh
 - Ông Đinh Trung Dũng – Chuyên viên phòng Đầu tư

2.2. Tiểu ban Nhân sự- Lương thưởng: gồm có 03 thành viên

- Trưởng ban: Ông NGUYỄN THANH BÌNH – Ủy viên HĐQT
- Các thành viên:
 - Ông Đặng Quế Sơn – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính
 - Bà Nguyễn Thị Mai – Phó phòng Tổ chức Hành chính

3. Hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

- Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 và công tác quản lý điều hành của BGĐ thông qua việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. HĐQT thường xuyên trao đổi với Giám đốc để kịp thời chỉ đạo cho BGĐ về hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm đạt mục tiêu chiến lược đã đề ra.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm 2019, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản với các nội dung chính như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
1	01/NQ-TMC-HĐQT	12/01/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua lịch trình, nội dung, chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
2	03/NQ-TMC-HĐQT	08/03/2019	Nghị quyết HĐQT thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Gia Định
3	05/NQ-TMC-ĐHĐCĐ	29/03/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
4	06/NQ-TMC-HĐQT	15/04/2019	Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng xe bồn 6m ³ của PVOIL đã qua sử dụng.

5	07/NQ-TMC-HĐQT	17/05/2019	Nghị quyết HĐQT về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Đông Sài Gòn.
6	08/NQ-TMC-HĐQT	21/05/2019	Nghị quyết HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019.
7	09/NQ-TMC-HĐQT	28/06/2019	Nghị quyết HĐQT về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư CHXD Phú Hữu.
8	10/NQ-TMC-HĐQT	16/7/2019	Nghị quyết HĐQT thông qua giao quỹ lương kế hoạch năm 2019 cho Công ty.
9	13/NQ-TMC-HĐQT	28/10/2019	Nghị quyết HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019.
10	14/NQ-TMC-HĐQT	28/10/2019	Nghị quyết HĐQT thông qua chủ trương giải thể Cty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Thành Thành Đạt; chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh của Siêu thị Điện máy 30-4 sang cho thuê mặt bằng hoặc hợp tác kinh doanh.
11	15/NQ-TMC-HĐQT	28/10/2019	Nghị quyết HĐQT về việc sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Song Đức vào Công ty CP Thương mại XNK Thủ Đức.
12	18/NQ-TMC-HĐQT	17/12/2019	Nghị quyết HĐQT về việc thay đổi thành viên HĐQT, ông Huỳnh Ngọc Thành thay thế ông Đỗ Trung Thành.
13	19/NQ-TMC-HĐQT	31/12/2019	Nghị quyết HĐQT về việc mua lại tài sản thanh lý của Công ty TNHH Nhà hàng Tiệc cưới Hội nghị Thành Thành Đạt; thay đổi hình thức kinh doanh của Siêu thị Điện máy 30-4, chuyển sang cho thuê mặt bằng.

5. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc HĐQT

- Trong năm, tiểu ban Chính sách phát triển đã tham mưu cho HĐQT về việc lập kế hoạch, xác định mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh của Công ty; phân tích, đánh giá tình hình kinh tế thị trường trong và ngoài nước và các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để tham mưu cho HĐQT đề ra các giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Tiểu ban Nhân sự - lương thưởng đã tham mưu cho HĐQT về các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; tham mưu cho

HĐQT về định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành Công ty; tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số chức danh trong Quy chế Trả lương- trả thưởng của Công ty.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên:

• Ông NGUYỄN ANH TUẤN : Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách

- Năm sinh: 04/3/1981

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

• Ông PHẠM KHẮC VŨ THỤY : Kiểm soát viên

- Năm sinh: 03/11/1974

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Nhà nước

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM tại Ninh Thuận và Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM tại Đắk Lắk.

- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

• Bà NGUYỄN THỊ MỸ DUNG : Kiểm soát viên

- Năm sinh: 23/4/1979

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ hiện đang nắm giữ: Giám đốc Siêu thị Điện máy 30-4 trực thuộc Công ty.

- Số cổ phiếu nắm giữ: 4.600 cổ phiếu (tỷ lệ 0,03%)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

2. Hoạt động của BKS năm 2019

- Rà soát đánh giá việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019, công tác quản lý điều hành của HĐQT và BGĐ; thẩm tra các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán; phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty; Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- Giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGĐ VÀ BKS



1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tổng thù lao chi cho HĐQT và BKS năm 2019 là 216.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu đồng).

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Họ tên	Chức danh	Tại thời điểm 31/12/2018		Tại thời điểm 31/12/2019	
			Số CP năm giữ	Tỷ lệ năm giữ	Số CP năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
I	Hội đồng quản trị					
	Tổng công ty Dầu Việt Nam- CTCP (PVOIL)		6.325.730	51,01%	6.325.730	51,01%
<i>Trong đó:</i>						
1	Ông Võ Khánh Hưng (Đại diện PVOIL)	Chủ tịch HĐQT	1.860.000	15,00%	1.860.000	15,00%
2	Bà Trần Thị Phụng (Đại diện PVOIL)	Người Đại diện vốn PVOIL	2.605.730	21,01%	2.605.730	21,01%
3	Ông Hoàng Đình Sơn (Đại diện PVOIL)	Ủy viên HĐQT	1.860.000	15,00%	1.860.000	15,00%
4	Ông Nguyễn Quốc Cường (Đại diện PVOIL)	Ủy viên HĐQT	0	0	0	0
	Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP.HCM (SAIGON PETRO)		1.847.160	14,90%	1.847.160	14,90%
5	Ông Huỳnh Ngọc Thành - Đại diện SAIGON PETRO - Sở hữu cá nhân	Ủy viên HĐQT	1.847.160 0	14,90% 0	1.847.160 0	14,90% 0
6	Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	187.400	1,51%	187.400	1,51%
II	Ban Kiểm soát					
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn (Đại diện PVOIL)	Trưởng BKS	0	0	0	0
2	Ông Phạm Khắc Vũ Thụy (Đại diện SAIGON PETRO)	Kiểm soát viên	0	0	0	0
3	Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Kiểm soát viên	4.600	0,03%	4.600	0,03%
III	Ban Điều hành					
1	Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc (Ủy viên HĐQT)				
2	Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	0	0	0	0
3	Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	20.100	0,16%	20.100	0,16%
4	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc (Ủy viên HĐQT)				

5	Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng- Người CBTT	16.350	0,13%	16.350	0,13%
---	----------------------	-------------------------------	--------	-------	--------	-------

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

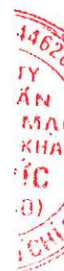
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Hoàng Đình Sơn



Phần 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 41
7. Phụ lục – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	42 - 43



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 38 966 819
- Fax : + 84 (28) 38 963 210
- Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 6 2 6

• Thông tin về chi nhánh

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc.
2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc.
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc.
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc.
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc.
6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc.
7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc.
8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc.
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc.
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc.
12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc.
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc.
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc.
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc.
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc.
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1B Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc.
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc.
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc.
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace tại 746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc.
21. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc.
22. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc.
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc.
24. Trạm xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc.
25. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc.
26. Trạm rửa xe số 5 tại 02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-038; hạch toán phụ thuộc.
27. Cửa hàng thương mại số 1 tại 1A Đoàn Công Hớn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-041; hạch toán phụ thuộc.
28. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-012; hạch toán phụ thuộc.
29. Cửa hàng xăng dầu số 15 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-013; hạch toán phụ thuộc;
30. Siêu thị điện máy 30-4 tại số 01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-015; hạch toán phụ thuộc.
31. Cửa hàng xăng dầu số 18 tại Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, mã số chi nhánh 0301444626-031; hạch toán phụ thuộc.
32. Cửa hàng xăng dầu số 20 tại 1459 Quốc lộ 1K, khu phố Tân An, phường tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-016; hạch toán phụ thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

33. Cửa hàng xăng dầu số 16 tại 189 Xa lộ Hà Nội, Khu phố 3, phường Phước Long A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh; mã số kinh doanh 0301444626-021; hạch toán phụ thuộc.

34. Nhà hàng Tiệc cưới Hội Nghị TMC Palace tại 38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

• Thông tin về công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ quyền			Tỷ lệ quyền		
			Tỷ lệ vốn góp	biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
I. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Khánh Hưng	Chủ tịch	24/04/2018	-
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Huỳnh Ngọc Thành	Thành viên	04/12/2019	-
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên	24/04/2018	04/12/2019

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	24/04/2018	-
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	24/04/2018	-
Ông Phạm Khắc Vũ Thụy	Thành viên	24/04/2018	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.3 Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	17/07/2018	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Bà Nghiêm Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	25/11/2016	-
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	15/04/2016	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Hoàng Đình Sơn được bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2018.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 09 đến trang 43.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) năm trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.



TM. Hội đồng Quản trị

VÕ KHÁNH HÙNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 2007/20/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2020, từ trang 09 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Công ty của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		170.559.294.477	106.007.515.329
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	22.325.760.071	37.195.959.514
111	1. Tiền		22.325.760.071	37.195.959.514
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	2.791.299.832	2.912.167.752
121	1. Chứng khoán kinh doanh		4.217.909.088	4.219.051.088
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.426.609.256)	(1.306.883.336)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.208.319.192	27.105.359.528
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	36.153.727.724	23.764.439.897
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.935.096.824	998.412.510
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.119.494.644	2.342.507.121
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	102.862.064.783	38.749.154.525
141	1. Hàng tồn kho		102.862.064.783	38.749.154.525
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.371.850.599	44.874.010
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		286.254.544	27.000.002
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.085.596.055	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	17.874.008
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		181.056.126.243	188.241.460.589
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		162.490.965.324	169.692.069.344
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	52.543.993.035	57.997.193.063
222	- Nguyên giá		134.546.879.825	134.533.794.794
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(82.002.886.790)	(76.536.601.731)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	109.946.972.289	111.694.876.281
228	- Nguyên giá		126.362.119.803	126.362.119.803
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.415.147.514)	(14.667.243.522)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	7.452.861.230	7.938.917.402
231	- Nguyên giá		12.203.241.726	12.203.241.726
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.750.380.496)	(4.264.324.324)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.721.667.272	3.374.970.182
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	4.721.667.272	3.374.970.182
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	4.981.738.555	4.959.477.501
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.012.871.000	9.012.871.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.031.132.445)	(4.053.393.499)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.408.893.862	2.276.026.160
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	873.894.917	1.618.745.990
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.12	534.998.945	572.324.465
269	4. Lợi thế thương mại	V.13	-	84.955.705
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		351.615.420.720	294.248.975.918

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		150.065.587.722	84.603.339.016
310	I. Nợ ngắn hạn		138.600.117.026	78.538.673.768
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	75.030.011.713	51.195.099.028
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	429.870.088	859.805.945
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	2.604.360.367	3.005.301.460
314	4. Phải trả người lao động		11.374.396.364	13.528.665.058
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		22.351.849	3.286.873.998
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	4.013.959.742	4.612.002.594
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	39.815.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	5.310.166.903	2.050.925.685
330	II. Nợ dài hạn		11.465.470.696	6.064.665.248
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20	6.637.121.210	1.436.315.762
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.17b	71.349.486	71.349.486
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	V.21	4.757.000.000	4.557.000.000
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		201.549.832.998	209.645.636.902
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	201.549.832.998	209.645.636.902
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.000.000.000	124.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.559.631.451	26.018.941.611
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.000.275.240	31.687.364.108
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		8.829.498.050	4.922.698.962
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		12.170.777.190	26.764.665.146
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		531.805.211	481.210.087
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		351.615.420.720	294.248.975.918

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc







NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.421.751.558.605	2.634.750.136.077
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.958.688.310	3.225.329.806
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	2.419.792.870.295	2.631.524.806.271
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	2.288.032.871.329	2.470.731.609.430
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.759.998.966	160.793.196.841
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.034.009.042	3.775.006.482
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	901.980.206	(171.909.625)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		782.008.989	705.503.533
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	73.717.985.230	82.373.146.673
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	38.461.428.508	46.020.608.610
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.712.614.064	36.346.357.665
31	12. Thu nhập khác		2.127.847.591	866.445.368
32	13. Chi phí khác		772.798.393	765.893.570
40	14. Lợi nhuận khác		1.355.049.198	100.551.798
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.067.663.262	36.446.909.463
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	4.646.290.948	7.221.127.739
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.421.372.314	29.225.781.724
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		18.370.777.190	29.244.665.145
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		50.595.124	(18.883.421)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	1.016	1.640
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	1.016	1.640

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG



VIÊN THIÊN KHANH



Giám Đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.067.663.262	36.446.909.463
	2. Điều chỉnh cho các khoản		8.871.406.053	(4.763.395.140)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.7,8,9	8.827.231.299	9.060.139.220
03	- Các khoản dự phòng		97.464.866	(1.479.359.684)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(835.299.101)	(13.049.678.209)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	782.008.989	705.503.533
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.939.069.315	31.683.514.323
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.048.400.486)	(3.317.779.023)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(64.112.910.258)	77.923.778.733
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		22.901.641.505	(60.505.551.849)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		485.596.531	1.421.951.195
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		1.142.000	2.622.457.990
14	- Tiền lãi vay đã trả		(759.657.140)	(761.387.917)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(4.884.709.161)	(7.797.186.603)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	4.870.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.902.805.000)	(7.637.187.499)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.376.162.694)	33.632.609.350
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.7, 10	(3.188.748.545)	(5.449.267.164)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		559.474.794	54.063.911.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	680.237.002	678.304.420
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.949.036.749)	49.292.948.528
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	425.923.700.000	333.366.500.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(386.108.700.000)	(400.158.500.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	VIII.1	(17.360.000.000)	(8.680.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		22.455.000.000	(75.472.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(14.870.199.443)	7.453.557.878
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	37.195.959.514	29.742.401.636
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	22.325.760.071	37.195.959.514

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH



HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 01 công ty con là Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Vào thời điểm cuối năm nay, Công ty ngưng kinh doanh mặt hàng điện máy, điện lạnh và chuyển sang hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng tại địa điểm ngưng kinh doanh mặt hàng điện máy, điện lạnh trong năm sau.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 1 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 công ty.

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%	83,33%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 353 nhân viên đang làm việc, tại ngày đầu năm có 372 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc

15 – 25

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.